

Bản án số: 415/2017/HSST

Ngày: 21/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Bà Đỗ Thị Hào

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2017, tại hội T, Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 411/2017/HSST ngày 25/10/2017 đối với bị cáo:

1. Hoàng Văn M, sinh ngày 24/12/1992.

Trú tại: Thôn H, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Văn hóa: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Kỹ thuật viên tại Công ty F. Con ông: Hoàng Văn K, sinh năm 1972, con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1974. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là thứ ba; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giam từ 31/7/2017 đến ngày 28/9/2017.
(có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Trung H, sinh ngày 25/8/1986.

Trú tại: tổ K, phường T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hóa: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Kỹ thuật viên tại Công ty F. Con ông: Trần Quang T, sinh năm 1957, con bà: Dương Thị L, sinh năm 1962. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là thứ ba; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, không bị tạm giữ, tạm giam.
(Có mặt tại phiên tòa).

Nguyên đơn dân sự: Công ty Cổ phần TN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tăng Anh T - chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá M – chức vụ: Đội phó đội điện Công ty TN (có mặt).

Trú tại: tổ S, phường P, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi Vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn M, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Trú tại: tổ 6, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Phùng Thị M, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Trú tại: tổ 6, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Gia L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: tổ 24, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

2. Hoàng Văn N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn H, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN THẤY

Bị cáo Hoàng Văn M và Trần Trung H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hoàng Văn M và Trần Trung H đều là kỹ thuật viên hợp đồng của Công ty F trong khi đi làm nhiệm vụ, phát hiện thấy đường dây điện chiếu sáng của Công ty TN tại khu vực tổ T, phường Q, thành phố TH bị đứt không ai sửa chữa nên trong khoảng thời gian giữa tháng 5 đến đầu tháng 6 năm 2017 cả hai đã cùng nhau thực hiện ba vụ trộm cắp dây cáp điện mang đi bán lấy tiền chia nhau sử dụng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng giữa tháng 5 năm 2017, do phát hiện tại cột điện số 66, thuộc tổ T, phường Q, thành phố TH có 01 sợi dây cáp điện loại dây Cu/PVC/PVC đường kính 2,5cm, có 04 lõi đồng, vỏ bọc nhựa màu đen bị đứt từ trước không có ai sửa chữa nên Hoàng Văn M và Trần Trung H đã nảy sinh ý định trộm cắp, cắt dây cáp điện trên đi bán lấy tiền sử dụng. Khoảng 12 giờ một ngày giữa tháng 5 năm 2017 (không nhớ ngày cụ thể), sau khi đi làm về, M và H đi xe mô tô nhãn hiệu Jupiter BKS: 12K1-2751 (là xe M mượn của chú là Hoàng Văn N) đến vị trí trên, mang theo 01 thang rút bằng nhôm và 01 túi đồ nghề chuyên dụng bên trong có 01 kìm cắt chuỗi nhựa màu đỏ đen và 01 đai an toàn. M dùng thang bắc lên cây xoài ở vị trí cách cột điện số 66 khoảng 30 mét về phía thành phố TH và dùng kìm cắt dây cáp điện trên. M và H đã cắt trộm được 30 mét dây cáp điện. Cả hai mang số dây cáp điện trên đi bán tại cửa hàng thu mua sắt thép phế liệu của anh Trần Văn M được số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền trên cả hai đã chia nhau sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 196 ngày 22/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 30m dây cáp điện loại dây Cu/PVC/PVC đường kính 2,5cm, có 04 lõi đồng, vỏ bọc nhựa màu đen có giá trị 3.150.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ một ngày đầu tháng 6 năm 2017, M cùng H tiếp tục rủ nhau đến khu vực tổ T, phường Q, thành phố TH để cắt trộm dây cáp điện đem bán lấy tiền sử dụng. Cả hai điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter BKS: 12K1-2751, mang theo 01 thang rút và túi đồ nghề chuyên dụng đến khu

vực trên. H dùng thang bắc lên dây điện tại vị trí cách cột điện số 66 khoảng 20 mét về hướng Tân L rồi leo lên dùng kìm cắt đứt sợi dây cáp điện. Sau đó, M tiếp tục leo lên cột điện số 67A cách vị trí H cắt 40 mét về phía Tân L cắt tiếp đoạn dây cáp điện trên. M và H đã cắt được tổng cộng 60 mét dây cáp điện. Sau đó cả hai mang 02 đoạn dây cáp điện trên đi bán tại cửa hàng thu mua sắt thép phế liệu của anh Trần Văn M được số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền trên M và H đã chia nhau sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 196 ngày 22/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 60m dây cáp điện loại dây Cu/PVC/PVC đường kính 2,5cm, có 04 lõi đồng, vỏ bọc nhựa màu đen, giá trị 6.300.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 17/6/2017, M mang theo 01 thang rút bằng nhôm và 01 túi đồ nghề chuyên dụng đi một mình đến chỗ đã lấy trộm dây cáp điện hai lần trước. Khi đến nơi, M bắc thang lên cột điện số 67, cách cột điện số 67A khoảng 25 mét về phía phường L và dùng kìm cắt dây cáp điện đã cắt hai lần trước đó. M cắt được 25 mét dây cáp điện. Sau đó, M một mình mang số dây cáp điện trên đến cửa hàng thu mua sắt thép phế liệu của anh Trần Văn M bán được số tiền 1.200.000 đồng. Số tiền trên M đã sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 195 ngày 22/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 25 mét dây cáp điện loại dây Cu/PVC/PVC gồm 04 lõi đồng vỏ bọc nhựa màu đen có đường kính 2,5cm có giá trị 2.625.000 đồng.

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 17/6/2017, anh Nguyễn Bá M là cán bộ Công ty TN đi kiểm tra đường cáp điện chiếu sáng trên đường M thuộc tổ T, phường Q, thành phố TH, phát hiện khoảng 115m dây cáp điện của công ty từ cột điện số 65 đến cột điện số 67 đã bị cắt trộm nên anh M đã tới Công an phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên để trình báo, đề nghị giải quyết.

Tại bản cáo trạng số 423/KSĐT- KT ngày 24/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo Hoàng Văn M và Trần Trung H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận do nghĩ là đường dây điện chiếu sáng bị hỏng, đã bỏ đi không dùng nữa nên các bị cáo cắt bán lấy tiền ăn tiêu. Sau khi bị phát hiện, các bị cáo đã mua dây điện, thuê nhân công lắp đặt lại toàn bộ đường dây bị cắt cho Công ty TN. Các bị cáo ân hận về hành vi mà M đã gây ra.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự xác nhận lời khai của các bị cáo là đúng. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại nên Công ty TN không có yêu cầu về phần bồi thường.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60 BLHS xử phạt:

- Hoàng Văn M từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách.

- Trần Trung H từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách. Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty TN và anh Trần Văn M, chị Phùng Thị M không yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 BLTTHS; Điều 42 Bộ luật hình sự
Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 25 mét dây cáp điện loại Cu/PVC/PVC có 04 lõi đồng bọc nhựa màu đen đường kính 2,5cm.

-Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án buộc các bị cáo phải nộp án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, các bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Các bị cáo xin được cải tạo tại địa phương. Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu về bồi thường; về hình phạt xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đó được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng, Hội đồng xét xử;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung vụ án, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với đơn trình báo; Biên bản khám nghiệm hiện T, sơ đồ hiện T; biên bản bắt người, biên bản nhận dạng, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian giữa tháng 5 đến đầu tháng 6 năm 2017, tại khu vực tổ T, phường Q, thành phố TH, Hoàng Văn M và Trần Trung H đã cùng nhau thực hiện 02 vụ cắt trộm dây cáp điện của Công ty TN. Ngày 17/6/2017, M một mình thực hiện 01 vụ cắt trộm dây cáp điện của Công ty TN. Tổng số dây điện hai bị cáo cắt trộm là 115m, trị giá tài sản là 12.075.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo M và bị cáo H đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố hai bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 BLHS quy định như sau: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt, nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của pháp nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận xấu trong xã hội. Hành vi của hai bị cáo cần thiết phải được xử lý nghiêm M trước pháp luật nhằm cải tạo giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa chung.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, không có ý thức che giấu hành vi... cả hai thấy có cơ hội là cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên vai trò của hai bị cáo là ngang nhau. Trong vụ án này bị cáo M ba lần thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo H hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên mức án của bị cáo M cao hơn bị cáo H.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo, thấy rằng: Bị cáo M và H phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn; sau khi phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty TN xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo; Bị cáo H có bố được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hai bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền xác nhận nên có căn cứ chấp nhận lời thỉnh cầu của các bị cáo; lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên và đề nghị của nguyên đơn dân sự, lên cho các bị cáo một mức án và cho cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, tạo cho các bị cáo một cơ hội để làm lại cuộc đời.

Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị nêu trên là phù hợp.

Các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung.

Trong vụ án này, Trần Văn M, Phùng Thị M là người đã mua số dây cáp điện do M và H trộm cắp được. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định anh M, chị M không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã lập biên bản giáo dục nhắc nhở theo quy định.

Đối với anh Hoàng Văn N là người đã cho Hoàng Văn M mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS: 12K1-2751, quá trình điều tra xác định anh N không biết việc M mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo H và bị cáo M đã khắc phục hậu quả khôi phục nguyên trạng lại đường dây cáp điện. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì. Người có quyền lợi liên quan là anh Trần Văn M và chị Phùng Thị M không yêu cầu các bị cáo trả lại khoản tiền đã mua dây nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: thu giữ 01 dây cáp điện loại Cu/PVC/PVC 3x16x1x10, lõi đồng vỏ bằng nhựa màu đen dài 25m. Xét thấy đoạn dây cáp trên là tài sản còn giá trị nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS: 12K1-2751 có số khung: S11067019401, số máy: 2S11019401 cùng đăng ký xe của anh Hoàng Văn N cho bị cáo mượn. Quá trình điều tra xác định anh N không biết việc M đem xe đi để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh N quản lý sử dụng là hợp lý.

Chiếc thang rút bằng nhôm màu trắng có độ dài 3,5 mét; 01 kìm cắt bằng nhựa màu đỏ đen và 01 đai bảo hộ an toàn lao động. Đây là những dụng cụ do Công ty F cấp cho M và H trong quá trình đi làm việc. Hiện đã trả lại Công ty F quản lý.

Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn M, Trần Trung H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60 BLHS xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Văn M 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Trung H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao hai bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 76 BLTTHS; Áp dụng Điều 41 BLHS:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 dây cáp điện loại Cu/PVC/PVC 3x16x1x10, lõi đồng vỏ bằng nhựa màu đen dài 25m.

Vật chứng hiện được bảo quản tại kho của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng số 17 ngày 18/10/2017.

5. Án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Công an TPTN
- THADS TPTN
- Các bị cáo.
- NDDS; NLQ
- L- u hồ sơ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà